

Số: 569/2019/QĐ-PT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trương Thế Trọng.

Các Thẩm phán:

1/ Bà Lê Thị Thương Huyền.

2/ Bà Mai Thị Thanh Tú.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Văn Lâm – Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 05/2018/QĐST-HC ngày 28 tháng 9 năm 2018, Tòa án nhân dân Quận X đã căn cứ vào các Điều 104 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010; Điều 3 Nghị quyết 56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 về việc thi hành Luật Tổ tụng hành chính năm 2010; Điều 1, Điều 2 Nghị quyết 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 về việc thi hành Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điểm g Khoản 1 Điều 143, Điều 144 và Điều 165 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính, giữa:

1. Người khởi kiện:

1.1. Bà Phạm M, sinh năm 1940.

1.2. Ông Từ C, sinh năm 1930.

Cùng địa chỉ: Tổ A, Khu phố B, phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Đường M, phường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân Quận X:

- Ông Trần Tuấn K – Phó Trưởng ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X.

- Bà Nguyễn Ngọc N – Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X.

- Ông Bùi T – Phó Phòng Nghiệp vụ 2, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X.

Cùng địa chỉ: Đường M, phường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Đường M, phường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X:

- Ông Nguyễn T1 – Đội phó Đội quản lý Trật tự đô thị Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn H – Chuyên viên Đội quản lý Trật tự đô thị Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ: Đường P, phường Q, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 01 Đường R, phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân phường C: Ông Nguyễn P – Công chức Địa chính – Xây dựng Đô thị và Môi trường phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 02 tháng 10 năm 2018, người khởi kiện là ông Từ C đã kháng cáo toàn bộ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 05/2018/QĐST-HC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận X.

XÉT THẤY:

1/ Về thủ tục kháng cáo:

Đơn kháng cáo của ông Từ C gửi đến Tòa trong hạn luật định nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

2/ Về nội dung kháng cáo của ông Từ C, Hội đồng phiên họp phúc thẩm xét thấy rằng:

Ngày 29/12/2004, Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 8451/QĐ-UB về việc đền bù, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng cho hộ bà Phạm M.

Không đồng ý với quyết định nói trên, bà M đã khiếu nại lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X. Ngày 23/6/2005, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 2642/QĐ-UB-TTr với nội dung bác khiếu nại của bà Phạm M.

Ngày 13/12/2005, Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 5790/QĐ-UB về bố trí tái định cư nền đất cho các hộ dân trong Khu quy hoạch dự án đầu tư xây dựng Đại lộ Đông Tây trong đó có hộ bà Phạm M.

Ngày 18/9/2006, Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 2975/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với bà Phạm M.

Ngày 24/5/2010, Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 6538/QĐ-UBND về việc bố trí tái định cư nền đất đối với bà Phạm M trong dự án Đại lộ Đông Tây.

Mặt bằng đã được bàn giao cho Hội đồng bồi thường dự án năm 2005. Tuy nhiên, sau đó, bà M đã tiến hành xây dựng một số công trình trên đất đã bị giải tỏa. Ngày 29/10/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X đã ban hành Quyết định số 11711/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Từ C (chồng bà Phạm M). Ngày 26/11/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 13004/QĐ-CC về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nói trên.

Không đồng ý với các quyết định hành chính nêu trên, ông Từ C và bà Phạm M đã có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân Quận X, cụ thể như sau:

- Ngày 12/11/2012, ông Từ C có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 11711/QĐ-XPHC ngày 29/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X. Yêu cầu khởi kiện này được Tòa án nhân dân Quận X thụ lý số 197/2012/TLST-HC ngày 28/11/2012. Ngày 29/12/2014, tại bản tự khai, ông C có yêu cầu bổ sung về việc hủy Quyết định số 8451/QĐ-UB ngày 29/12/2004 của Ủy ban nhân dân Quận X.

- Ngày 26/3/2013, bà Phạm M có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 8451/QĐ-UB ngày 29/12/2004 của Ủy ban nhân dân Quận X. Ngày 29/9/2014, Tòa án nhân dân Quận X nhận được đơn khởi kiện bổ sung của bà Phạm M về việc yêu cầu hủy các văn bản cụ thể sau: Quyết định số 2975/QĐ-UBND ngày 18/9/2006 của Ủy ban nhân dân Quận X ; Văn bản số 147/BBT-NV1 ngày 23/01/2009 của Ủy ban nhân dân Quận X ; Văn bản số 2506/UBND-BBT ngày 25/7/2012 của Ủy ban nhân dân Quận X ; Văn bản số 3736/UBND-BBT ngày 26/10/2012 của Ủy ban nhân dân Quận X ; Văn bản số 3945/UBND-BBT ngày 18/10/2013 của Ủy ban nhân dân Quận X ; Thông báo số 83/TB-VP ngày 02/4/2014 của Ủy ban nhân dân Quận X . Các yêu cầu khởi kiện này được Tòa án nhân dân Quận X xem xét trong vụ án thụ lý số 23/2013/TLST-HC ngày 02/5/2013.

Ngày 09/3/2016, Chánh án Tòa án nhân dân Quận X có Quyết định nhập vụ án số 01/2016/QĐST-HC về việc nhập 02 vụ án nói trên với người khởi kiện là ông Từ C, bà Phạm M và người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận X , Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X .

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 18/9/2018, bà Phạm M xác định rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định số 2975/QĐ-UBND ngày 18/9/2006 của Ủy ban nhân dân Quận X ; Văn bản số 147/BBT-NV1 ngày 23/01/2009 của Ủy ban nhân dân Quận X ; Văn bản số 2506/UBND-BBT ngày 25/7/2012 của Ủy ban nhân dân Quận X ; Văn bản số 3736/UBND-BBT ngày 26/10/2012 của Ủy ban nhân dân Quận X ; Văn bản số 3945/UBND-BBT ngày 18/10/2013 của Ủy ban nhân dân Quận X ; Thông báo số 83/TB-VP ngày 02/4/2014 của Ủy ban nhân dân Quận X . Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà M là tự nguyện nên được chấp nhận để xem xét. Tòa án căn cứ Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà M về việc hủy Quyết định số 2975/QĐ-UBND ngày 18/9/2006 của Ủy ban nhân dân Quận X ; Văn

bản số 147/BBT-NV1 ngày 23/01/2009 của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X ; Văn bản số 2506/UBND-BBT ngày 25/7/2012 của Ủy ban nhân dân Quận X ; Văn bản số 3736/UBND-BBT ngày 26/10/2012 của Ủy ban nhân dân Quận X ; Văn bản số 3945/UBND-BBT ngày 18/10/2013 của Ủy ban nhân dân Quận X ; Thông báo số 83/TB-VP ngày 02/4/2014 của Ủy ban nhân dân Quận X .

Cũng tại phiên tòa sơ thẩm ngày 18/9/2018, ông Từ C xác định rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định 11711/QĐ-XPHC ngày 29/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X . Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông C là tự nguyện nên được chấp nhận để xem xét. Tòa án căn cứ Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 143 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông C về việc hủy Quyết định 11711/QĐ-XPHC ngày 29/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X .

Xét các hồ sơ vụ án hành chính sơ thẩm số 197/2012/TLST-HC ngày 28/11/2012 và 23/2013/TLST-HC ngày 02/5/2013 của Tòa án nhân dân Quận X thì không thấy có bất kỳ nội dung nào thể hiện bà Phạm M khởi kiện yêu cầu hủy đối với Quyết định 11711/QĐ-XPHC ngày 29/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X . Do đó, việc Tòa án nhân dân Quận X đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà M đối với Quyết định 11711/QĐ-XPHC ngày 29/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X là vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự và có sự nhầm lẫn trong việc xác định các yêu cầu khởi kiện của bà M hay ông C. Từ đó, Tòa án nhân dân Quận X xác định hậu quả về quyền khởi kiện lại của bà M đối với quyết định nêu trên là chưa có căn cứ.

Tương tự, trong hồ sơ vụ án cũng không có nội dung nào thể hiện ông Từ C có yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định số 2975/QĐ-UBND ngày 18/9/2006 của Ủy ban nhân dân Quận X ; Văn bản số 147/BBT-NV1 ngày 23/01/2009 của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X ; Văn bản số 2506/UBND-BBT ngày 25/7/2012 của Ủy ban nhân dân Quận X ; Văn bản số 3736/UBND-BBT ngày 26/10/2012 của Ủy ban nhân dân Quận X ; Văn bản số 3945/UBND-BBT ngày 18/10/2013 của Ủy ban nhân dân Quận X ; Thông báo số 83/TB-VP ngày 02/4/2014 của Ủy ban nhân dân Quận X . Do đó việc Tòa án nhân dân Quận X đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông C đối với các văn bản nói trên là vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự và có sự nhầm lẫn trong việc xác định các yêu cầu khởi kiện của bà M hay ông C. Từ đó, Tòa án nhân dân Quận X xác định hậu quả về quyền khởi kiện lại của ông C đối với các quyết định nêu trên là chưa có căn cứ.

Đối với việc khởi kiện của bà M và ông C đối với Quyết định 8451/QĐ-UB ngày 29/12/2004 của Ủy ban nhân dân Quận X thì thấy rằng: Ông C, bà M đều có khiếu nại đối với Quyết định số 8451/QĐ-UB ngày 29/12/2004. Theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết 56/2010/QH12 về việc hướng dẫn thi hành Luật Tổ tụng hành chính năm 2010, Điều 104 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010, Điều 2 Nghị quyết 104/2015/QH13 về việc hướng dẫn thi hành Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 thì ông C và bà M được quyền khởi kiện đối với Quyết định

Quyết định 8451/QĐ-UB ngày 29/12/2004 của Ủy ban nhân dân Quận X trong thời hạn từ ngày 01/7/2011 đến ngày 01/7/2012. Tuy nhiên đến ngày 26/3/2013, bà M mới khởi kiện là hết thời hiệu theo quy định của pháp luật. Và đến ngày 29/12/2014, ông C mới có đơn khởi kiện là hết thời hiệu theo quy định của pháp luật. Do đó, việc cấp sơ thẩm căn cứ Điểm g Khoản 1 Điều 143, Điều 144 và Điều 165 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 để đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông C bà M là có căn cứ.

Với các phân tích và viện dẫn trên, Hội đồng phúc thẩm thấy rằng các nội dung kháng cáo của phía người khởi kiện là ông Từ C đưa ra không có cơ sở để chấp nhận; Việc Tòa án nhân dân Quận X đã đình chỉ giải quyết vụ án là có cơ sở. Tuy nhiên, phần quyết định của Tòa án nhân dân Quận X về hậu quả về quyền khởi kiện lại của các đương sự là chưa có căn cứ. Bởi lẽ, theo quy định tại Khoản 1 Điều 144 thì bà Phạm M có quyền khởi kiện lại đối với các văn bản: Quyết định số 2975/QĐ-UBND ngày 18/9/2006 của Ủy ban nhân dân Quận X ; Văn bản số 147/BBT-NV1 ngày 23/01/2009 của Ủy ban nhân dân Quận X ; Văn bản số 2506/UBND-BBT ngày 25/7/2012 của Ủy ban nhân dân Quận X ; Văn bản số 3736/UBND-BBT ngày 26/10/2012 của Ủy ban nhân dân Quận X ; Văn bản số 3945/UBND-BBT ngày 18/10/2013 của Ủy ban nhân dân Quận X ; Thông báo số 83/TB-VP ngày 02/4/2014 của Ủy ban nhân dân Quận X theo quy định của pháp luật; Ông Từ C có quyền khởi kiện lại đối với Quyết định số 11711/QĐ-XPHC ngày 29/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X theo quy định của pháp luật. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không cho các đương sự được quyền khởi kiện lại đối với các quyết định nói trên là không đúng, không đảm bảo cho quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, cần phải sửa lại một phần quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính của Tòa án nhân dân Quận X theo hướng đã phân tích trên, theo đó các đương sự được quyền khởi kiện lại các quyết định hành chính đã nêu ở trên.

Về án phí phúc thẩm, người kháng cáo không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Từ C.

Sửa một phần quyết định của Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 05/2018/QĐST-HC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận X :

I. Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 197/2012/TLST-HC ngày 28 tháng 11 năm 2012, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, giữa:

1. Người khởi kiện:

1.1. Bà Phạm M, sinh năm 1940.

1.2. Ông Từ C, sinh năm 1930.

Cùng địa chỉ: Tổ A, Khu phố B, phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Đường M, phường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân Quận X:

- Ông Trần Tuấn K – Phó Trưởng ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X.

- Bà Nguyễn Ngọc N – Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X.

- Ông Bùi T – Phó Phòng Nghiệp vụ 2, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X.

Cùng địa chỉ: Đường M, phường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Đường M, phường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X:

- Ông Nguyễn T1 – Đội phó Đội quản lý Trật tự đô thị Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn H – Chuyên viên Đội quản lý Trật tự đô thị Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ: Đường P, phường Q, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 01 Đường R, phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân phường C: Ông Nguyễn P – Công chức Địa chính – Xây dựng Đô thị và Môi trường phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

- Bà Phạm M có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật đối với các văn bản: Quyết định số 2975/QĐ-UBND ngày 18/9/2006 của Ủy ban nhân dân Quận X ; Văn bản số 147/BBT-NV1 ngày 23/01/2009 của Ủy ban nhân dân Quận X ; Văn bản số 2506/UBND-BBT ngày 25/7/2012 của Ủy ban nhân dân Quận X ; Văn bản số 3736/UBND-BBT ngày 26/10/2012 của Ủy ban nhân dân Quận X ; Văn bản số 3945/UBND-BBT ngày 18/10/2013 của Ủy ban nhân dân Quận X ; Thông báo số 83/TB-VP ngày 02/4/2014 của Ủy ban nhân dân Quận X.

- Ông Từ C có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật đối với Quyết định số 11711/QĐ-XPHC ngày 29/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X .

- Ông Từ C, bà Phạm M không có quyền khởi kiện lại đối với Quyết định 8451/QĐ-UB ngày 29/12/2004 của Ủy ban nhân dân Quận X nếu việc khởi kiện

này không có gì khác với vụ án đã bị đình chỉ về người khởi kiện, người bị kiện và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

- Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Từ C và bà Phạm M không phải chịu.

Hoàn trả cho ông Từ C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2011/02704 ngày 28/11/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X .

Hoàn trả cho bà Phạm M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2011/03131 ngày 02/5/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X .

Hoàn trả cho bà Phạm M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2011/04575 ngày 18/9/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X .

Về án phí hành chính phúc thẩm, ông Từ C không phải chịu. Hoàn trả cho ông Từ C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0015698 ngày 04/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X .

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh ;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- TAND Quận X;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận X ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Trương Thế Trọng